

Số: 28 /2016/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 9 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 35 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 56/2014/TT-BCA ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

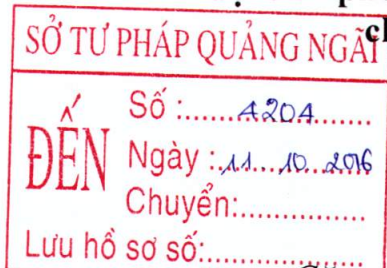
Xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2017 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



2. Đối tượng áp dụng

Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; đội dân phòng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động, hỗ trợ và trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng

1. Đội trưởng đội dân phòng bằng 30% mức lương cơ sở/người/tháng;
2. Đội phó đội dân phòng bằng 25% mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 3. Định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng

Một đội dân phòng được trang bị các phương tiện phòng cháy và chữa cháy với số lượng như sau:

STT	Phương tiện	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng
1	Khóa mở trụ nước những nơi có trụ nước chữa cháy	Chiếc	01	Hồng thay thế
2	Bình bột chữa cháy xách tay loại 8kg	Bình	06	Theo quy định của nhà sản xuất
3	Bình khí CO ₂ chữa cháy xách tay loại 5kg	Bình	06	Theo quy định của nhà sản xuất
4	Mũ chữa cháy	Chiếc	01 người/01 chiếc	3 năm
5	Quần áo chữa cháy	Bộ	01 người/01 bộ	2 năm
6	Găng tay chữa cháy	Đôi	01 người/01 đôi	Hồng thay thế
7	Ủng chữa cháy	Đôi	01 người/01 đôi	Hồng thay thế
8	Đèn pin chuyên dụng	Chiếc	02	Hồng thay thế
9	Câu liềm, bô cào	Chiếc	02	Hồng thay thế
10	Dây cứu người	Cuộn	02	Hồng thay thế
11	Hộp sơ cứu có kèm theo các dụng cụ cứu thương	Hộp	01	Hồng thay thế

12	Thang chữa cháy	Chiếc	01	Hồng thay thế
13	Loa pin	Chiếc	02	Hồng thay thế
14	Khẩu trang lọc độc	Chiếc	01 người/ 01 chiếc	Hồng thay thế

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ thường xuyên cho Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng và định mức trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng dân phòng do ngân sách địa phương bảo đảm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khoá XII, kỳ họp thứ 3, thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 10 năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Quảng Ngãi (07 bản);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, Hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, BPC (01). tvd 180.

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân